

CHỦ ĐỀ 2

NGUỒN LỰC KINH TẾ – XÃ HỘI ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TỈNH QUẢNG NGÃI

Mục tiêu

Sau khi học xong chủ đề này, học sinh sẽ:

- Trình bày và đánh giá được thế mạnh, hạn chế của nguồn lực kinh tế – xã hội đối với sự phát triển tỉnh Quảng Ngãi.
- Nhận xét và phân tích được vai trò của nguồn lực kinh tế – xã hội đối với sự phát triển tỉnh Quảng Ngãi thông qua quan sát các tranh ảnh, bảng số liệu.



MỞ ĐẦU

Nguồn lực kinh tế – xã hội đóng vai trò trực tiếp và quyết định đối với sự phát triển kinh tế của tỉnh Quảng Ngãi. Nguồn lực kinh tế – xã hội của tỉnh Quảng Ngãi có đặc điểm gì và tác động như thế nào đến sự phát triển của tỉnh?



KIẾN THỨC MỚI

1. Nguồn lao động

Quảng Ngãi có nguồn lao động dồi dào, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên có 670,9 nghìn người, chiếm 53,9% dân số của cả tỉnh (năm 2021). Đây là nguồn lực quan trọng của quá trình sản xuất, phát triển kinh tế và thu hút đầu tư nhưng cũng là thách thức lớn trong vấn đề giải quyết việc làm ở địa phương.

Bảng 2.1. Cơ cấu lao động của tỉnh Quảng Ngãi đang làm việc trong nền kinh tế phân theo đào tạo và khu vực kinh tế, năm 2016 và năm 2021

Năm	2016	2021
Cơ cấu lao động (%)		
– Phân theo đào tạo		
+ Đã qua đào tạo	18,5	26,1
+ Chưa qua đào tạo	81,5	73,9
– Phân theo khu vực kinh tế		
+ Nông – lâm – thủy sản	51,0	33,6
+ Công nghiệp – xây dựng	19,0	29,7
+ Dịch vụ	30,0	36,7

(Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Quảng Ngãi, năm 2021)

Quảng Ngãi là một trong những địa phương ở khu vực miền Trung có số lượng lao động ở nước ngoài khá lớn. Lao động ở nước ngoài đã góp phần nâng cao tay nghề cho nguồn lao động của tỉnh, đem lại nguồn ngoại tệ góp phần bổ sung vốn cho đầu tư sản xuất, kinh doanh và nâng cao mức sống cho người dân.

Chất lượng nguồn lao động ngày càng được nâng cao nhưng so với yêu cầu hiện nay, lực lượng lao động có trình độ cao vẫn còn ít, đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lí, công nhân kĩ thuật lành nghề. Lao động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản còn chiếm tỉ lệ lớn, năng suất lao động còn thấp đã ảnh hưởng lớn đến cơ cấu và hiệu quả sử dụng lao động của tỉnh.

Trong thời gian tới cần đẩy mạnh nâng cao chất lượng nguồn lao động để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế trong thời kì hội nhập. Nguồn lao động chất lượng cao là yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển nhanh và tăng khả năng cạnh tranh cho nền kinh tế tỉnh Quảng Ngãi.



Đọc thông tin ở mục 1 và bảng 2.1, phân tích vai trò của nguồn lao động đối với phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Quảng Ngãi.

2. Vốn đầu tư

Tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2021 đạt 22 209,2 tỉ đồng. Chính nguồn vốn đầu tư là cơ sở để mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao trình độ khoa học và công nghệ, tăng tích lũy cho nền kinh tế của tỉnh.

Bảng 2.2. Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 – 2021*(Đơn vị: Tỷ đồng)*

Khu vực \ Năm	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Nhà nước	7 461,2	9 277,8	6 795,6	8 007,4	7 707,1	5 903,5
Ngoài Nhà nước	8 252,6	11 971,4	34 558,7	29 151,9	18 481,8	12 925,2
Đầu tư trực tiếp nước ngoài	1 159, 7	1 331,4	2 623,6	3 456,2	2 846,5	3 380,5
Tổng số	16 873,5	22 580,6	43 977,9	40 615,5	28 406,4	22 209,2

(Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Quảng Ngãi, năm 2021)

Vốn đầu tư nước ngoài có tác động lớn đến tăng trưởng kinh tế và tạo việc làm cho nguồn lao động của tỉnh. Nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tuy còn thấp nhưng tăng khá nhanh, nguồn vốn này đã góp phần hình thành các dự án, khu công nghiệp như: VSIP, nhà máy Doosan Vina Quảng Ngãi,... Ngoài ra, nguồn vốn viện trợ nước ngoài (ODA) cũng góp phần hỗ trợ phát triển kinh tế, nâng cấp hạ tầng; khắc phục một số khó khăn trong y tế, giáo dục, đào tạo nghề, an sinh xã hội.

Nguồn vốn đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi luôn biến động và chịu sự tác động của nền kinh tế trong nước và thế giới làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và xây dựng hạ tầng kinh tế. Do vậy, việc duy trì ổn định và gia tăng nguồn vốn đầu tư có vai trò quan trọng đối với sự phát triển và tái sản xuất.



Đọc thông tin ở mục 2 và bảng 2.2 hãy:

- Nhận xét về sự thay đổi vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 – 2021.
- Nêu vai trò của các nguồn vốn đối với phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Quảng Ngãi.

3. Khoa học và công nghệ

Khoa học và công nghệ ở tỉnh Quảng Ngãi có bước phát triển khá nhanh góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội, nâng cao năng suất lao động, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế; mở rộng khả năng khai thác và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực.

Chuyển đổi số đang dần hiện diện trong mọi mặt đời sống và đang tạo ra nhiều cơ hội, tiềm năng mới cho Quảng Ngãi trong mọi lĩnh vực từ thu hút đầu tư, quản lý đất đai, tài nguyên khoáng sản, phát triển y tế, giáo dục, nông nghiệp, giao thông,... đến

quản trị hành chính, tương tác giữa người dân, tổ chức, doanh nghiệp với chính quyền và ngược lại. Điển hình là trung tâm điều hành thông minh (IOC) tỉnh Quảng Ngãi đã nâng cao công tác chỉ đạo điều hành của tỉnh, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp và hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước, thúc đẩy nền kinh tế – xã hội phát triển theo chiều sâu.



Hình 2.1. Khai trương trung tâm điều hành thông minh (IOC) tỉnh Quảng Ngãi



Đọc thông tin ở mục 3, nêu vai trò của khoa học và công nghệ đối với phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Quảng Ngãi.

4. Cơ sở hạ tầng

Cơ sở hạ tầng ở tỉnh Quảng Ngãi khá hoàn thiện bao gồm hạ tầng giao thông, mạng lưới điện, nước, thông tin liên lạc, các công trình công cộng, dịch vụ: y tế, văn hoá, giáo dục, thể dục thể thao,... có tác động trực tiếp đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh.

Hạ tầng giao thông vận tải được đầu tư và nâng cấp trong toàn tỉnh, một số dự án lớn đã đưa vào sử dụng như: cảng nước sâu Dung Quất, cầu Cổ Lũy, đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi,... tăng cường sự kết nối thuận lợi giữa các địa phương trong tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi trong giao thương với các tỉnh trong khu vực, cả nước và quốc tế. Mạng lưới thông tin liên lạc ngày càng hiện đại, đa dạng các loại hình và đã phủ kín các địa phương trong tỉnh. Hạ tầng thông tin liên lạc đáp ứng được nhu cầu trao đổi thông tin và giao lưu văn hoá của nhân dân, thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội, bảo đảm quốc phòng – an ninh.

Tuy nhiên, hệ thống cơ sở hạ tầng trên địa bàn tỉnh chưa được đầu tư đồng bộ, tính kết nối chưa cao, chưa đáp ứng tốt các yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội.

Em có biết?

Cầu Cổ Lũy được khởi công từ năm 2017 và thông xe năm 2020, cầu và các tuyến đường dẫn có tổng chiều dài khoảng 3 700 m với tổng đầu tư khoảng 2 250 tỉ đồng, riêng chiều dài cầu hơn 1 800 m. Đây là cây cầu dây văng đầu tiên của tỉnh Quảng Ngãi.



Hình 2.2. Cầu Cổ Lũy, thành phố Quảng Ngãi

Cầu Cổ Lũy nằm trong quy hoạch tuyến đường ven biển Dung Quất – Sa Huỳnh. Đây là tuyến đường ven biển kết nối giữa Quảng Ngãi với các tỉnh Quảng Nam, Bình Định mở ra cơ hội lớn để thúc đẩy phát triển hạ tầng đô thị ven biển, phát triển du lịch, nhất là du lịch biển, đảo. Đồng thời, công trình là điểm nhấn kiến trúc, góp phần tạo động lực phát triển kinh tế – xã hội, đảm bảo quốc phòng – an ninh trên địa bàn.



Đọc thông tin ở mục 4, trình bày những kết quả và hạn chế về cơ sở hạ tầng của tỉnh Quảng Ngãi.

5. Đường lối, chính sách

Đường lối chính sách có vai trò quan trọng thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế và tập hợp được mọi nguồn lực phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội. Từ khi thực hiện công cuộc đổi mới, với đường lối chính sách đúng đắn, cơ chế chính sách thông thoáng, môi trường kinh doanh đầu tư được cải thiện đã thu hút mạnh vốn đầu tư trong và ngoài nước. Kinh tế – xã hội của tỉnh Quảng Ngãi có những chuyển biến tích cực đạt được nhiều thành tựu như: tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, cơ sở hạ tầng được đầu tư theo hướng hiện đại, đời sống nhân dân có những cải thiện đáng kể,...

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá – hiện đại hoá, nâng cao chất lượng nguồn lao động và năng suất lao động, tăng cường ứng dụng thành tựu khoa học kĩ thuật vào trong mọi lĩnh vực, đẩy mạnh cải cách hành chính và chuyển đổi số,... là những nhiệm vụ và định hướng phát triển của tỉnh trong thời gian đến.



Đọc thông tin mục 5, trình bày vai trò của đường lối, chính sách trong phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Quảng Ngãi.

6. Thị trường và thương hiệu địa phương

Tỉnh Quảng Ngãi có dân số khá đông tạo ra thị trường tiêu thụ khá lớn. Trong những năm qua kinh tế của tỉnh phát triển khá nhanh, đời sống người dân ngày càng được nâng cao nên sức mua và nhu cầu sử dụng các dịch vụ tăng nhanh góp phần kích thích phát triển sản xuất và thu hút nguồn vốn của các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Thị trường nước ngoài ngày càng được mở rộng cả ở khu vực châu Á (ASEAN, Trung Quốc, Nhật Bản, Đài Loan) và một số nước khác trên thế giới. Thị trường nước ngoài tạo cơ sở để phát triển sản xuất, đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng hàng hoá, xây dựng thương hiệu và thu về nguồn ngoại tệ cho tỉnh.

Quảng Ngãi có những thương hiệu truyền thống như: đường phèn, đường phôi, quế Trà Bồng, mạch nha Mộ Đức, cá bống Sông Trà,... được người tiêu dùng tin tưởng trên thị trường góp phần khai thác, phát huy các nguồn lực tự nhiên, kinh tế – xã hội của tỉnh. Những thương hiệu mới được các doanh nghiệp trong tỉnh hình thành, phát triển và đang đứng vững trên thị trường trong và ngoài nước như sữa đậu nành Vinasoy, bánh kẹo Biscafun, nước khoáng Thạch Bích, tỏi Lý Sơn, dầu khí Dung Quất,... Việc phát triển thương hiệu của tỉnh góp phần khai thác hiệu quả thế mạnh, đem lại nguồn thu và khẳng định vị thế của tỉnh, quảng bá hình ảnh địa phương.



Đọc thông tin ở mục 6, trình bày ý nghĩa của thị trường và thương hiệu địa phương đối với phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Quảng Ngãi.



LUYỆN TẬP

1. Vẽ sơ đồ thể hiện các nguồn lực kinh tế – xã hội của tỉnh Quảng Ngãi.
2. Vì sao các nguồn lực kinh tế – xã hội có vai trò quyết định đối với sự phát triển của tỉnh Quảng Ngãi?



VẬN DỤNG

Viết báo cáo ngắn gọn về việc khai thác và sử dụng một nguồn lực kinh tế – xã hội ở địa phương em.